TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: **66**/2020/HS-PT
Ngày 31 tháng 7 năm 2020

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Vũ Anh Tuấn
***Các thẩm phán*:** Bà Lê Thị Thu Huyền
Ông Tạ Văn Thành

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số: 54/2020/TLPT-HS ngày 19 tháng 6 năm 2020 do có kháng cáo của bị cáo Vũ Xuân Đ đối với Bản án hình sơ thẩm số 14/2020/HSST ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo kháng cáo:

Bị cáo: **Vũ Xuân Đ-**sinh năm 1976 tại huyện Q, tỉnh T; nơi cư trú: Tổ dân phố 02, thị trấn M, huyện Y, tỉnh B; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ V hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Vũ V (Đã chết) và bà Đỗ Thị Đ- sinh năm 1933; có vợ là Trần Thị Hoài H- sinh năm 1983 (Đã ly hôn) và 02 con (Lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 22/2004/HSST, ngày 29/11/2004 của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh B đã xử phạt Vũ Xuân Đ 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản"; Tại Bản án số 11/2005/HSST, ngày 27/5/2005 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B đã xử phạt Vũ Xuân Đ 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" .Tại Bản án số 13/2011/HSST, ngày 29/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh B đã xử phạt Vũ Xuân Đ 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Vũ Xuân Đ đã chấp hành xong các bản án nêu trên và đã được xóa án tích.

Danh chỉ bản số 058 do Công an huyện K, tỉnh Phú Thọ lập ngày 18/01/2020; không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/01/2020 đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nhau từ trước nên vào khoảng 08 giờ ngày 16/09/2019, Vũ Xuân Đ- sinh năm 1976, nơi cư trú: Tổ dân phố số 2, thị trấn M, huyện Y, tỉnh B đến nhà ông Vi Kỳ V – sinh năm 1966 ở khu 8, xã S (nay là khu V Phú 4, thị trấn K), huyện K, tỉnh Phú Thọ và hỏi mượn của ông V chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, biển kiểm soát (BKS) 29A-503.44, do không có nhu cầu sử dụng nên ông V đồng ý. Hai người thống nhất với nhau là Đ mượn xe ô tô của ông V từ ngày 16/09/2019 đến ngày 16/10/2019 thì trả lại xe. Mỗi ngày mượn xe, Đ sẽ trả cho ông V số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) và Đ không được cầm cố hay bán chiếc xe ô tô này. Đ để lại cho ông V 01 (một) đăng ký xe ô tô số A0092517, mang tên Vương Thanh H, biển số 29M-0461 để làm tin. Sau đó, bà Lê Thị L – sinh năm 1966 (là vợ của ông V) đã viết một giấy mượn xe rồi ông V, bà L và Vũ Xuân Đ cùng ký tên vào đó. Cùng ngày, ông V giao cho Đ chiếc xe ô tô BKS 29A-503.44 cùng toàn bộ giấy tờ xe tại nhà ông V. Ngay sau khi nhận được xe ô tô và toàn bộ giấy tờ, Đ nảy sinh ý định mang số tài sản này đi cầm cố để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Đ đã mang xe ô tô đi nhiều nơi để cầm cố nhưng không được. Đến khoảng 17 giờ ngày 26/09/2019, Đ đến cửa hàng của anh Nguyễn Xuân Q – sinh năm 1983, trú quán: thôn C, xã Đ, huyện Sô, tỉnh V để cầm cố chiếc xe ô tô trên. Nhưng anh Q không đồng ý cầm cố nên Đ đã bán chiếc xe ô tô này cho anh Q với giá 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Khi bán xe, Đ không nói với anh Q đây là chiếc xe Đ mượn của ông Vi Kỳ V mà nói là xe của mình. Anh Q tin tưởng, đồng ý mua xe và giao đủ số tiền trên cho Đ. Đ nhận tiền, viết giấy bán xe và giao chiếc xe cùng toàn bộ giấy tờ xe cho anh Q. Sau đó, Đ bỏ trốn khỏi địa phương và tiêu sài cá nhân hết số tiền bán xe trên.

Đến ngày 16/10/2019, khi hết thời hạn mượn xe, ông V không thấy Đ đem trả chiếc xe ô tô cho mình. Ông không liên lạc được với Đ và cũng chưa được Đ trả tiền mượn xe như đã thỏa thuận. Do vậy, ông V đã làm đơn trình báo đến cơ quan CSĐT Công an huyện K đề nghị giải quyết.

Vật chứng thu giữ: Ông Vi Kỳ V đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra: 01 (một) đăng ký xe ô tô số A0092517, mang tên Vương Thanh H, biển số đăng ký 29M-0461.

Anh Nguyễn Xuân Q đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra: 01 (một) xe ô tô BKS 29A-503.44, nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: VIOS, sản xuất năm 2006, số máy: 1NZ-X414472, số khung: NP2-9506246; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036251 mang tên Nguyễn V, biển số đăng ký 29A-503.44; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số KC 9356243; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số BB190195588; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số BB190195588.

Khi mua chiếc xe trên, anh Q không biết đây là tài sản do Vũ Xuân Đ phạm tội mà có.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 58 ngày 22/10/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: *"01 (một) xe ô tô BKS 29A-503.44,*

nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: VIOS, sản xuất năm 2006. Số máy: 1NZ-X414472. Số khung: NP2-9506246 vào thời điểm ngày 16/9/2019 có giá 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).”

Ngày 18/01/2020, Vũ Xuân Đ đã đến Công an huyện K đầu thú.

Về xử L vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Vi Kỳ V: 01 (một) chiếc xe ô tô BKS 29A-503.44, số máy 1NZ-X414472, số khung ND2-9506246; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036251 mang tên Nguyễn V, biển số đăng ký 29A-503.44; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số KC 9356243; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số BB190195588; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số BB190195588.

Đối với 01 (một) đăng ký xe ô tô số A0092517, mang tên Vương Thanh H, biển số đăng ký 29M-0461. Quá trình điều tra xác định, đăng ký xe này là tài sản của ông Vũ Xuân Đán- sinh năm 1960 ở tổ dân phố số 2, thị trấn M, huyện Y, tỉnh B (là anh trai ruột của Vũ Xuân Đ). Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Đán tài sản trên.

Về trách nhiệm dân sự: Vũ Xuân Đ đã trả cho ông Vi Kỳ V số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) tiền mượn xe như đã thỏa thuận với ông V. Bị can cũng đã hoàn trả cho anh Nguyễn Xuân Q số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) tiền anh Q mua chiếc xe ô tô. Ông V và anh Q đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu gì khác.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2020/HSST ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Phú Thọ đã:

Căn cứ vào: điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự; điểm b, s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Vũ Xuân Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo: Vũ Xuân Đ 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Bản án còn tuyên về phần án phí, Q kháng cáo, trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác đúng quy định của pháp luật.

Ngày 15/5/2020, bị cáo Vũ Xuân Đ có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Xuân Đ. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2020/HSST ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định được xem xét, giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo đều khai nhận đã có hành vi phạm tội nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định:

Ngày 16/9/2019 đã thỏa thuận thuê xe ô tô của vợ chồng ông Vi Kỳ V, bà Lê Thị L. Tuy nhiên, do ông V, bà L không có giấy phép kinh doanh nên hai bên thống nhất viết hợp đồng mượn xe ô tô. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở để kết luận: Sau khi mượn (Thực chất là thuê) được xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, biển kiểm soát 29A-503.44, trị giá 120.000.000đồng của vợ chồng ông Vi Kỳ V, bà Lê Thị L. Bị cáo Vũ Xuân Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản và ngày 26/9/2019, Vũ Xuân Đ đã bán xe ô tô đó cho anh Nguyễn Xuân Q với giá 150.000.000đồng để lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Lạm dụng tín nhệm chiếm đoạt tài sản" được quy định điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo là người có nhân thân xấu đã từng 03 lần bị Tòa án kết án về tội: "Trộm cắp tài sản". Mặc dù bị cáo đã chấp hành xong các bản án trên và được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo rất coi thương kỷ cương pháp luật. Do đó cần pH có hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để tuyên phạt bị cáo 30 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo pH chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Xuân Đ. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2020/HSST ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Phú Thọ.

[2] Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Vũ Xuân Đ phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo: Vũ Xuân Đ 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng Điểm a Khoản 2 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Xuân Đ pH chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- TB UBND thị trấn M;
- Bị cáo;
- Lưu HS; Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Anh Tuấn